

Bản án số: **41/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 09/4/2019.

V/v Tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Phước Tường**.

+ Ông **Thân Văn Kỳ**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiền** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Phạm Kiều O**, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Đặng Ngọc M**, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phạm Kiều O trình bày:*

- Chị với anh Đặng Ngọc M cưới nhau năm 1989, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xảy ra xung đột, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên anh chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Đặng Thái A, sinh ngày 22/02/1993 đã thành niên và hoạt động bình thường và Đặng Gia Đ, sinh ngày 05/5/2002. Khi ly hôn Phạm Kiều O yêu cầu trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Đặng Ngọc M trình bày: Việc cưới nhau, chung sống và con chung như Phạm Kiều O trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống Phạm Kiều

O thường xuyên vắng nhà do làm ăn buôn bán và có tình cảm khác bên ngoài, nhưng vì còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung có hai con chung như Phạm Kiều O khai, nếu có ly hôn thì anh đồng ý giao con chung chưa thành niên cho Phạm Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận. Nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Phạm Kiều O có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân với anh Đặng Ngọc M, có địa chỉ tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Phạm Kiều O với anh M cưới nhau năm 1989, có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì ly thân cho đến nay. Theo Phạm Kiều O khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra xung đột nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị không còn tình cảm với anh M nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Nhận thấy Phạm Kiều O với anh M cưới nhau năm 1989 có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến năm 2017 thì ly thân, từ đó đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Phạm Kiều O cương quyết ly hôn, còn anh M xác định là mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng anh không lớn, anh xin được đoàn tụ. Nhận thấy từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì đoàn tụ. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay Phạm Kiều O khai là do công việc làm ăn buôn bán nên chị thường xuyên vắng nhà, anh M hay ghen tuông nên chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Còn anh M khai là Phạm Kiều O có người khác bên ngoài, nhưng còn thương vợ con không muốn ly hôn là không phù hợp. Bởi lẽ tình cảm vợ chồng là phải chung thủy, yêu thương, tin tưởng và chăm sóc lẫn nhau. Nhưng quan hệ giữa vợ chồng của Phạm Kiều O và anh M không đạt được. Xét thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Phạm Kiều O là cho chị được ly hôn với anh M là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Đặng Thái A, sinh ngày 22/02/1993 đã thành niên và hoạt động bình thường, nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét. Đối với con chung anh chị tên Đặng Gia Đ, sinh ngày 05/5/2002. Khi ly hôn Phạm Kiều O và anh M có ý kiến là giao cho Phạm Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác Đặng Gia Đ tại bản tự khai ngày 04/3/2019 có ý kiến là được sống với Phạm Kiều O nếu cha mẹ ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử giao con chung anh chị tên Đặng Gia Đ cho Phạm Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Do Phạm Kiều O không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác Đặng Gia Đ cũng sắp đến tuổi trưởng thành. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét là phù hợp. Nếu sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về việc cấp dưỡng nuôi con thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về tài sản chung: Anh chị khai tự thỏa thuận, nợ chung không có, nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Phạm Kiều O là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ khoản 1, khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Kiều O.

- Cho chị Phạm Kiều O được ly hôn với anh Đặng Ngọc M.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên của anh chị tên Đặng Gia Đ, sinh ngày 05/5/2002 cho Phạm Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Phạm Kiều O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 09897, ngày 04/3/2019 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Xem như chị đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Phạm Kiều O, anh M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Dương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM THANH DŨNG